

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023  
nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 20**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2023 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương như các biểu kèm theo.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa XII, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

**Nơi nhận:**

- TVTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- VP đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị, tp;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Quang**

**Biểu số 01**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH 2023**  
**NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023	Kế hoạch điều chỉnh		Kế hoạch 2023 sau điều chỉnh
			Tăng (+)	Giảm (-)	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>93.308</b>	<b>34.502</b>	<b>34.502</b>	<b>93.308</b>
*	<i>Các dự án giảm vốn</i>				
1	Ưu đãi đầu tư	2.000		2.000	0
2	Quyết toán công trình	10.277		9.484	793
3	Dự phòng (tại Phụ lục IV - Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh)	9.905		9.905	0
4	Nhiệm vụ quy hoạch	30.000		4.861	25.139
5	Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	18.000		7.500	10.500
6	Hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp Hải Lệ, thị xã Quảng Trị (giai đoạn 1)	1.000		752	248
*	<i>Các dự án tăng vốn</i>				
1	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	1.000	2.000		3.000
2	Cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu	0	10.690		10.690
3	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	21.126	3.252		24.378
4	Điều chỉnh mở rộng bãi tắm Cửa Việt thuộc khu dịch vụ - dịch lịch Cửa Việt	0	2.000		2.000
5	Hạ tầng khu tái định cư tại xã Trung Giang	0	2.100		2.100
6	Nâng cấp đường Lê Hồng Phong, thị trấn Hồ Xá; Hạng mục: Nâng cấp nền mặt đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè	0	2.000		2.000
7	Nâng cấp đường nội thị Khóm 2, thị trấn Bến Quan; Hạng mục: Nâng cấp nền mặt đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè	0	1.000		1.000
8	Khắc phục, sửa chữa đường An Thái - Bàn Chùa	0	2.000		2.000
9	Hồ sinh thái đập dâng Khe Ruôi, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông (giai đoạn 1)	0	5.000		5.000
10	Đường liên thôn kết nối Quốc lộ 9, xã Tân Liên, huyện Hướng Hóa	0	3.400		3.400
11	Sửa chữa, nâng cấp Đài tưởng niệm anh hùng đảo Cồn Cỏ	0	1.060		1.060

**Biểu số 02**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH 2023**  
**NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023	Bổ sung kế hoạch 2023	Kế hoạch 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.000</b>	<b>7.000</b>	<b>47.000</b>	HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 là 40 tỷ đồng
	<i>Trong đó:</i>				
*	<b>Các dự án tăng vốn</b>				
1	Nhà ở vận động viên năng khiếu tỉnh	0	3.000	3.000	Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành
2	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới				
	Huyện Hải Lăng	2.500	1.000	3.500	Hỗ trợ huyện sớm về đích nông thôn mới
	Huyện Triệu Phong	2.500	1.000	3.500	
	Huyện Vĩnh Linh	2.500	1.000	3.500	
	Huyện Gio Linh	2.500	1.000	3.500	